

nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 1981

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng

Phó chủ tịch

TÓ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 169 - HĐBT ngày 29-12-1981 về việc ban hành bản Điều lệ về chế độ làm việc và quan hệ công tác của Hội đồng bộ trưởng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng bộ trưởng trong hội nghị toàn thể của Hội đồng bộ trưởng ngày 12 tháng 9 năm 1981,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Ban hành kèm theo quyết định này bản Điều lệ về chế độ làm việc và quan hệ công tác của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 2. — Các thành viên của Hội đồng bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 1981

T.M. Hội đồng bộ trưởng

Chủ tịch

PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐIỀU LỆ về chế độ làm việc và quan hệ công tác của Hội đồng bộ trưởng.

(Ban hành kèm theo quyết định số 169-HĐBT ngày 29-12-1981 của Hội đồng bộ trưởng)

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ quy định về chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công và chế độ phục vụ nhân dân ban hành theo nghị định số 217-CP ngày 8-6-1979 của Hội đồng Chính phủ;

Để xây dựng nền nếp sinh hoạt và làm việc của tập thể cũng như của mỗi thành viên Hội đồng bộ trưởng,

Điều lệ này quy định chế độ làm việc và quan hệ công tác của Hội đồng bộ trưởng.

Chương I

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

1. CHẾ ĐỘ GIẢI QUYẾT CÁC CÔNG VIỆC.

Điều 1. — Hội đồng bộ trưởng thảo luận và giải quyết các việc được quy định ở điều 17 của Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng, cụ thể là:

1. Các chủ trương, chính sách, biện pháp lớn để thực hiện các nghị quyết của Đảng và của Quốc hội.

2. Các quy hoạch các ngành và quy hoạch các vùng của đất nước.

3. Các dự án kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm; các bằng cân đối tổng hợp chủ yếu.

4. Dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách Nhà nước hàng năm.

5. Dự án luật trình Quốc hội, dự án pháp lệnh trình Hội đồng Nhà nước.

6. Chương trình công tác hàng năm của Hội đồng bộ trưởng.

7. Đánh giá kết quả thực hiện luật pháp, kế hoạch Nhà nước, ngân sách Nhà nước

0966-50

và các chủ trương, chính sách của Hội đồng bộ trưởng.

Kỳ họp giữa năm của Hội đồng bộ trưởng tập trung chủ yếu vào việc kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm, bàn các biện pháp nhằm hoàn thành kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước cả năm.

Kỳ họp đầu quý IV hàng năm của Hội đồng bộ trưởng kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, ngân sách Nhà nước trong năm và thông qua kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước năm sau.

Điều 2.— Thường vụ Hội đồng bộ trưởng thảo luận và giải quyết các việc được quy định ở điều 24 của Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng, cụ thể là :

1. Các chính sách cụ thể, các chế độ, thể lệ nhằm thực hiện các quy định của Hội đồng bộ trưởng.

2. Các kế hoạch, các biện pháp đề tổ chức thực hiện các nghị quyết, nghị định, quyết định của Hội đồng bộ trưởng, chú trọng việc kiểm tra, việc làm thử và việc sơ kết, tổng kết công tác.

3. Căn cứ nghị quyết của Hội đồng bộ trưởng, giữa hai kỳ họp của Hội đồng bộ trưởng, quyết định những vấn đề cấp bách thuộc quyền hạn của Hội đồng bộ trưởng như :

— Kế hoạch hoặc biện pháp thực hiện chính sách phát triển đối với ngành, địa phương.

— Kiện toàn tổ chức, bộ máy của Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp.

— Phân vạch địa giới các đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh.

— Tổ chức đàm phán và ký kết các điều ước với nước ngoài; trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn các điều ước thuộc quyền Hội đồng Nhà nước phê chuẩn; tổ chức và chỉ đạo việc thực hiện các điều ước đã ký kết.

Những quyết định của Thường vụ Hội đồng bộ trưởng về các loại vấn đề kể trên

phải được báo cáo lại với Hội đồng bộ trưởng trong phiên họp gần nhất của Hội đồng bộ trưởng, hoặc báo cáo bằng văn bản cho các thành viên Hội đồng bộ trưởng.

4. Chỉ đạo các Bộ, các Ủy ban Nhà nước và các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng chuẩn bị các đề án trình Hội đồng bộ trưởng.

Điều 3.— Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng giải quyết các việc được quy định ở điều 25 của Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng; trong việc chỉ đạo chú trọng những công tác sau đây :

1. Tổ chức kiểm tra và đề ra các biện pháp thúc đẩy việc thi hành luật pháp và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng bộ trưởng.)

2. Điều hòa, phối hợp hoạt động của các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; chỉ đạo giải quyết các vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc quá khả năng của các Bộ, Ủy ban Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và những vấn đề liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương.

3. Quyết định việc sử dụng dự trữ Nhà nước.

Điều 4.— Các Phó chủ tịch giúp Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng kiểm tra, đôn đốc, điều hòa, phối hợp và giải quyết các việc quy định ở điểm 4 của điều 2, điều 3 và trên một số lĩnh vực được phân công.

Điều 5.— Phó chủ tịch thường trực giúp Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quản lý việc chung và điều hành việc hàng ngày của Hội đồng bộ trưởng, cụ thể là :

1. Năm tình hình chung, kịp thời phát hiện các vấn đề và báo cáo với Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng hoặc Thường vụ Hội đồng bộ trưởng giải quyết.

2. Tổ chức thực hiện chương trình làm việc của Hội đồng bộ trưởng và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng.

3. Phối hợp với các Phó chủ tịch khác đề giải quyết các việc có liên quan đến nhiều lĩnh vực.

4. Thực hiện chức năng của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng khi Chủ tịch vắng mặt.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSoft * 966245

Điều 6. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm :

1. Giúp Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng và Phó chủ tịch thường trực nắm tình hình hoạt động của Hội đồng bộ trưởng và của các ngành, các cấp.

2. Lập và trình Hội đồng bộ trưởng thông qua chương trình công tác.

3. Tổ chức thẩm tra các đề án trước khi trình Hội đồng bộ trưởng và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng; quản lý thống nhất việc ban hành các văn bản của Hội đồng bộ trưởng.

4. Tổ chức việc công bố, truyền đạt và theo dõi, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện các quyết định của Hội đồng bộ trưởng.

5. Giải quyết một số việc cụ thể theo sự ủy nhiệm của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

6. Lãnh đạo Văn phòng Hội đồng bộ trưởng, quản lý các việc không thuộc ngành nào phụ trách.

7. Tổ chức mối quan hệ giữa Hội đồng bộ trưởng với Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và các cơ quan của Quốc hội, giữa Hội đồng bộ trưởng với các đoàn thể nhân dân.

Điều 7. — Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước và thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng giải quyết việc thuộc ngành hoặc lĩnh vực mình quản lý theo trách nhiệm và quyền hạn đã quy định ở các điều 29, 30, 31, 32, 33, 34 của chương IV Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng và ở nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước và thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng chủ động phối hợp để giải quyết những việc có liên quan với nhau, và chỉ trình Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (hoặc Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực) giải quyết những việc vượt quá thẩm quyền và khả năng giải quyết của mình.

Trong thời hạn nhiều nhất là 5 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước hoặc thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, Văn phòng Hội đồng bộ trưởng phải trình đề nghị ấy lên Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng để giải quyết và ra văn bản trả lời.

II. CHẾ ĐỘ LẬP CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ HỘI NGHỊ

Điều 8. — Theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng dự thảo chương trình công tác hàng năm và gửi các thành viên Hội đồng bộ trưởng tham gia ý kiến.

Hội đồng bộ trưởng quyết định chương trình công tác hàng năm vào kỳ họp tháng 12 của năm trước, định rõ loại việc do Hội đồng bộ trưởng hoặc do Thường vụ Hội đồng bộ trưởng xét, chỉ định cơ quan chuẩn bị đề án.

Căn cứ chương trình công tác hàng năm của Hội đồng bộ trưởng, Thường vụ Hội đồng bộ trưởng quyết định chương trình 6 tháng, 3 tháng và hàng tháng.

Điều 9. — Mỗi thành viên Hội đồng bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, trong phạm vi trách nhiệm của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình công tác của Hội đồng bộ trưởng. Trường hợp đột xuất muốn thay đổi nội dung hoặc thời gian xem xét các vấn đề đã ghi trong chương trình, thì phải báo cáo để Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Điều 10. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các Bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng thực hiện chương trình công tác của Hội đồng bộ trưởng.

Hàng năm, nửa năm, bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng gửi cho các thành viên Hội đồng bộ trưởng báo cáo kiểm điểm việc thực hiện chương trình.

Điều 11. — Hội đồng bộ trưởng họp mỗi tháng một lần.

Thường vụ Hội đồng bộ trưởng họp mỗi tuần một lần.

Nếu cần họp bất thường, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng sẽ quyết định và thông báo cho các thành viên Hội đồng bộ trưởng.

Điều 12. — Thành viên Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm tham dự đều đặn và đầy đủ các phiên họp của Hội đồng bộ trưởng. Nếu phải vắng mặt trong cả phiên họp hoặc vắng mặt một phần thời gian của phiên họp thì phải được Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng đồng ý và phải cử người phó thứ nhất tham dự thay.

Điều 13. — Trong các phiên họp của Thường vụ Hội đồng bộ trưởng, khi bàn vấn đề liên quan đến ngành nào, thì thủ trưởng của ngành đó được mời tham dự.

Những người không phải là thành viên Hội đồng bộ trưởng được mời tham dự hội nghị Hội đồng bộ trưởng theo quy định ở điều 22 của Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết.

Điều 14. — Hội nghị Hội đồng bộ trưởng và hội nghị Thường vụ Hội đồng bộ trưởng thảo luận và giải quyết các việc đã ghi trong chương trình làm việc.

Các đề án cần được gửi trước phiên họp 5 ngày cho các thành viên tham dự phiên họp.

Những dự án kế hoạch hàng năm hoặc các dự án lớn có nội dung phức tạp cần gửi trước phiên họp 10 ngày.

Điều 15. — Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng điều khiển hội nghị Hội đồng bộ trưởng và hội nghị Thường vụ Hội đồng bộ trưởng.

Bộ trưởng chủ quản đề án báo cáo tóm tắt nội dung và quá trình chuẩn bị đề án, nêu các vấn đề cần xin ý kiến; Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng báo cáo kết quả việc thẩm tra đề án.

Hội đồng bộ trưởng thảo luận và thông qua các quyết định của Hội đồng bộ trưởng.

Các quyết định của Hội đồng bộ trưởng phải được quá nửa thành viên Hội đồng bộ trưởng biểu quyết tán thành.

Các quyết định của hội nghị Thường vụ Hội đồng bộ trưởng phải được quá nửa thành viên Thường vụ Hội đồng bộ trưởng biểu quyết tán thành.

Điều 16. — Các quyết định được thông qua trong hội nghị Hội đồng bộ trưởng hoặc hội nghị Thường vụ Hội đồng bộ trưởng đều phải được thể hiện bằng hình thức văn bản pháp quy của Hội đồng bộ trưởng.

III. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO

Điều 17. — Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương (sau đây gọi tắt là tỉnh) phải thực hiện chế độ thông tin và báo cáo với Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng:

1. Bản thông tin hàng ngày do Chánh Văn phòng Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban nhân dân tỉnh và thủ trưởng đơn vị, được chỉ định gửi bản thông tin ký.

2. Bản thông tin hàng tuần do Chánh Văn phòng Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân tỉnh ký.

3. Báo cáo 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm và báo cáo đột xuất do bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký.

Nội dung và thời hạn gửi các bản thông tin, báo cáo nói trên do bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng quy định sau khi thỏa thuận với Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

Điều 18. — Sáu tháng và hàng năm, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng thông báo với Hội đồng bộ trưởng tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước, ngân sách Nhà nước và

các mặt công tác lớn, đồng thời thông báo cho chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biết.

Hàng tháng, bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng gửi bản thông báo tình hình đến các thành viên Hội đồng bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. — Ngoài chế độ báo cáo và thông tin nói ở điều 17 trên đây, khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng cử chuyên viên trực tiếp đến gặp cơ quan lãnh đạo các ngành, địa phương để nắm tình hình.

IV. CHẾ ĐỘ CHUẨN BỊ ĐỀ ÁN TRÌNH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Điều 20. — Đề án trình Hội đồng bộ trưởng thuộc ngành nào thì thủ trưởng ngành đó làm chủ đề án và chịu trách nhiệm về chất lượng và thời gian trình.

Đối với những đề án đặc biệt quan trọng có liên quan đến nhiều lĩnh vực, hoặc có nội dung phức tạp, thì Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng chỉ định một tiểu ban đề chuẩn bị.

Điều 21. — Thủ trưởng cơ quan chủ đề án cần chủ động mời các ngành và địa phương có liên quan cử người tham gia xây dựng, thảo luận đề án hoặc gửi dự thảo đề án về các ngành, địa phương có liên quan góp ý kiến bằng văn bản. Đối với những vấn đề có liên quan đến các đoàn thể nhân dân thì phải hỏi ý kiến các đoàn thể hữu quan.

Điều 22. — Thủ trưởng cơ quan được mời tham gia xây dựng đề án có trách nhiệm cử người tham gia và cung cấp tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chủ đề án.

Nếu được hỏi ý kiến bằng văn bản, thì thủ trưởng cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được đề án; đối với những đề án lớn có nội dung phức tạp thì thời hạn trả lời có thể dài hơn nhưng không được quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đề án.

Trường hợp mời họp để thảo luận đề án, thì cơ quan mời họp phải gửi đề án cho các cơ quan được mời ít nhất 5 ngày trước khi họp; cơ quan được mời phải cử người lãnh đạo hoặc người đại diện có đủ thẩm quyền đi họp.

Khi ban hành thành văn bản chính thức thì mọi cơ quan đều phải chấp hành nghiêm chỉnh.

Điều 23. — Hồ sơ của đề án trình Hội đồng bộ trưởng gồm có:

1. Tờ trình nêu rõ nội dung của đề án và ý kiến của các cơ quan có liên quan.
2. Dự thảo văn bản sẽ ban hành, kể cả văn bản hướng dẫn thực hiện văn bản sẽ ban hành.
3. Kế hoạch tổ chức thực hiện khi quyết định được thông qua.

Điều 24. — Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các ngành trong việc chuẩn bị đề án.

Khi cần thiết, Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực có thể trực tiếp nghe các cơ quan nghiên cứu phát biểu ý kiến về đề án, hoặc yêu cầu cơ quan chủ đề án tổ chức các hội nghị tư vấn để góp ý kiến vào đề án. Nếu nội dung của đề án có liên quan đến lĩnh vực khác thì Phó chủ tịch phụ trách chỉ đạo xây dựng đề án trao đổi ý kiến với Phó chủ tịch có liên quan.

Các đề án trình Hội đồng bộ trưởng phải được Thường vụ Hội đồng bộ trưởng xem xét; trường hợp cần gấp, thì Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng giao cho Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực cùng với Phó chủ tịch thường trực và Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng xem xét.

Điều 25. — Trong thời hạn nhiều nhất là 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề án, Văn phòng Hội đồng bộ trưởng phải tổ chức thẩm tra xong các đề án:

1. Nếu đề án được chuẩn bị theo đúng phương hướng và yêu cầu, đúng trình tự và thủ tục, thì Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng báo cáo đề Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực quyết định việc trình Hội đồng bộ trưởng.

2. Nếu đề án chuẩn bị không đúng phương hướng, yêu cầu hoặc chưa theo đúng thủ tục quy định ở điều 21, 22 và điều 23 của điều lệ này, thì Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng có quyền yêu cầu cơ quan chủ đề án chuẩn bị thêm. Nếu thủ trưởng cơ quan chủ đề án không nhất trí với Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng thì Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng trình Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực quyết định.

Điều 26. — Đối với những đề án lớn hoặc những vấn đề quan trọng có liên quan đến nhiều mặt, thì Văn phòng Hội đồng bộ trưởng, theo quyết định của Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực gửi đến các thành viên Hội đồng bộ trưởng đề xin ý kiến trước khi trình Hội đồng bộ trưởng thảo luận và quyết định. Trong thời gian 5 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo, các thành viên Hội đồng bộ trưởng phải có ý kiến và gửi lại Văn phòng Hội đồng bộ trưởng.

V. CHẾ ĐỘ BAN HÀNH VÀ CỘNG BỐ CÁC VĂN BẢN

Điều 27. — Các quyết định của Hội đồng bộ trưởng, Thường vụ Hội đồng bộ trưởng được thể hiện bằng hình thức nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị, thông tư của Hội đồng bộ trưởng. Những văn bản này phải được ban hành chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng bộ trưởng hoặc Thường vụ Hội đồng bộ trưởng thông qua quyết định. Các văn bản hướng dẫn thi hành quyết định của Hội đồng bộ trưởng và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng phải được ban hành chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày quyết định được ban hành; và chậm nhất là 15 ngày nếu các ngành phải hợp đồng với nhau để ra văn bản hướng dẫn.

Điều 28. — Các văn bản của Hội đồng bộ trưởng quy định những vấn đề cơ bản về chính sách, chế độ, về tổ chức và hoạt động của các ngành, các cấp do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng ký, khi Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng vắng mặt, thì Phó chủ tịch thường trực ký thay.

Đối với những quyết định, chỉ thị, thông tư đề đơn đốc, hướng dẫn hoặc giải quyết những việc cụ thể thuộc từng lĩnh vực thì các Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực công tác ký thay Chủ tịch.

Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng ký những văn bản về những việc thuộc nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định ở điều 6 của điều lệ này.

Điều 29. — Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước và thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng ký các quyết định, chỉ thị, thông tư của ngành mình và chỉ ủy nhiệm cho người phó thứ nhất ký thay trong trường hợp đi vắng. Những người phó khác ký thay bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước hoặc thủ trưởng cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng các văn bản giải quyết các việc cụ thể cho các đơn vị trực thuộc và các địa phương.

Điều 30. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm xem lại và ký tắt vào văn bản trước khi trình Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng ký văn bản ấy.

Những văn bản do các Bộ, Ủy ban Nhà nước ban hành đề hướng dẫn thi hành các văn bản của Hội đồng bộ trưởng và các văn bản khác có tính chất pháp quy đều phải gửi đến Văn phòng Hội đồng bộ trưởng để theo dõi và đăng công báo.

VI. CHẾ ĐỘ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ THANH TRA, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYẾT ĐỊNH

Điều 31. — Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Hội đồng bộ trưởng trong toàn ngành hoặc trong địa phương mình; trong khi tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng bộ trưởng, nếu gặp khó khăn, trở ngại hoặc phát hiện vấn đề cần được xem xét thêm thì phải kịp thời báo cáo với Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Điều 32.— Chủ nhiệm Ủy ban thanh tra của Chính phủ có trách nhiệm tổ chức thanh tra có trọng điểm việc thực hiện các quyết định của Hội đồng bộ trưởng ở các ngành, các cấp; hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thanh tra việc thi hành các quyết định của Hội đồng bộ trưởng ở ngành và cấp mình.

Điều 33.— Thủ trưởng các Bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp phải chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo về việc thực hiện các quyết định của Hội đồng bộ trưởng; báo cáo phải nêu lên các nhận xét, đánh giá việc thực hiện, đề xuất biện pháp để thúc đẩy việc thực hiện.

VII. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VỚI CƠ SỞ

Điều 34.— Các thành viên của Hội đồng bộ trưởng định kỳ làm việc với một số đơn vị cơ sở để giúp cơ sở giải quyết kịp thời các khó khăn trong sản xuất, công tác; đồng thời giúp cho việc quyết định các chủ trương, chính sách được đúng đắn, kịp thời và sát thực tế.

Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng định kỳ làm việc trực tiếp với một số đơn vị cơ sở trọng điểm.

Điều 35.— Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng, sau khi thỏa thuận với các cơ quan có liên quan, quy định những đơn vị cơ sở trọng điểm phải gửi báo cáo định kỳ lên Văn phòng Hội đồng bộ trưởng và bố trí chương trình cho Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng làm việc trực tiếp với các đơn vị trọng điểm đó.

VIII. CHẾ ĐỘ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CÁC KIẾN NGHỊ, KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA NHÂN DÂN

Điều 36.— Hội đồng bộ trưởng và mỗi thành viên của Hội đồng bộ trưởng phải thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước về xét khiếu tố, tổ chức việc tiếp nhận, xem xét và giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của cán bộ, công nhân, viên chức

và nhân dân để không ngừng cải tiến công tác, ngăn ngừa các hiện tượng vi phạm pháp luật, vi phạm chính sách, ngăn ngừa tệ quan liêu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm của các cơ quan và nhân viên Nhà nước.

Điều 37.— Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh có chế độ tiếp cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân để nghe kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

Văn phòng Hội đồng bộ trưởng, Văn phòng các Bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và văn phòng Ủy ban nhân dân các cấp phải tổ chức việc tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại hoặc tố cáo của nhân dân và phải công bố rõ địa điểm và thời gian tiếp dân.

Văn phòng Hội đồng bộ trưởng chịu trách nhiệm tổ chức việc tiếp cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân đến trình bày hoặc đưa các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Điều 38.— Mọi kiến nghị, khiếu nại hoặc tố cáo của công nhân, viên chức và của nhân dân đối với cơ quan, tổ chức hoặc nhân viên thuộc quyền quản lý của ngành hoặc địa phương nào thì thủ trưởng ngành hoặc Ủy ban nhân dân địa phương đó có trách nhiệm xét, giải quyết và trả lời cho đương sự theo đúng pháp luật của Nhà nước về xét các việc khiếu tố.

Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra của Chính phủ chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp thi hành chế độ tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; xem xét và kiến nghị với các cơ quan giải quyết lại những việc khiếu nại, tố cáo đã được thủ trưởng ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết nhưng phát hiện có sai lầm; xem xét và trình Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng giải quyết những việc khiếu, tố thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Điều 39.— Ba tháng một lần, thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và chủ

tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh phải báo cáo lên Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, đồng gửi cho chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra của Chính phủ, tình hình tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, khiếu, tố của nhân dân.

Chương II

CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

I. QUAN HỆ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Điều 40. — Các thành viên Hội đồng bộ trưởng cần phối hợp để giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau hoàn thành nhiệm vụ; tôn trọng chức năng và trách nhiệm quản lý của nhau; cùng nhau bàn bạc để giải quyết những việc có tính chất liên ngành hoặc bảo đảm sự hoạt động đồng bộ ăn khớp giữa các ngành, các cấp, chỉ đạo kiểm tra các cơ quan thuộc quyền chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định về những vấn đề thuộc quyền quản lý Nhà nước của các ngành khác.

Khi có ý kiến khác nhau giữa các thành viên Hội đồng bộ trưởng về một vấn đề thì phải trực tiếp gặp gỡ để thảo luận; nếu không nhất trí về cách giải quyết thì Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng phụ trách lĩnh vực hướng dẫn đề các bên cùng nhau thảo luận đi đến thống nhất ý kiến; nếu là vấn đề cần gấp thì Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực báo cáo đề Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Điều 41. — Mỗi thành viên Hội đồng bộ trưởng và thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng đều có quyền chất vấn, phê bình trong các phiên họp của Hội đồng bộ trưởng những thành viên khác về việc không thi hành, hoặc thi hành không nghiêm chỉnh, các quyết định của Hội đồng bộ trưởng, về việc không tôn trọng quyền quản lý của các ngành theo sự phân công của Hội đồng bộ trưởng. Quyền chất vấn, phê bình ấy cũng có thể thực hiện bằng văn bản gửi đến Chủ tịch

Hội đồng bộ trưởng, hoặc đến người bị chất vấn.

Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời kịp thời và đầy đủ những điều bị chất vấn, phê bình.

II. QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG VỚI QUỐC HỘI, HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC, CÁC HỘI ĐỒNG, CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI VÀ CÁC ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 42. — Hội đồng bộ trưởng và các thành viên Hội đồng bộ trưởng phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp và của Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng về quan hệ giữa Hội đồng bộ trưởng với Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, các cơ quan của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội.

Hàng tháng và 6 tháng một lần, Hội đồng bộ trưởng gửi báo cáo lên Hội đồng Nhà nước; trong kỳ họp cuối năm của Quốc hội, Hội đồng bộ trưởng báo cáo trước Quốc hội về tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước.

Khi có yêu cầu của Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng hoặc các thành viên Hội đồng bộ trưởng phụ trách ngành đến trình bày hoặc cung cấp các tư liệu cần thiết.

Khi nhận được các kiến nghị hoặc chất vấn của các cơ quan của Quốc hội hoặc của đại biểu Quốc hội, Hội đồng bộ trưởng hoặc thành viên Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm xem xét và trả lời trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận, nếu cần có thời gian để xem xét thêm, thì chậm nhất cũng không quá 30 ngày.

III. QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH

Điều 43. — Hàng tháng, Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng gửi thông báo của Thường vụ Hội đồng bộ trưởng về

tình hình hàng tháng cho chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh.

Các chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo quy định ở điều 17 của điều lệ này, và các báo cáo bất thường theo chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Điều 44. — Sáu tháng một lần, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng họp với chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh để kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước, tình hình thực hiện các quyết định của Hội đồng bộ trưởng.

Khi cần thiết, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh làm việc trực tiếp với Chủ tịch hoặc các Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, hoặc với các bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng.

Trong các cuộc hội nghị Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước, ngân sách Nhà nước và các chủ trương, chính sách của Hội đồng bộ trưởng, các thành viên Hội đồng bộ trưởng có liên quan hoặc đại diện có thẩm quyền của các thành viên đó, được mời tham dự.

Điều 45. — Khi quyết định các vấn đề có liên quan nhiều đến quyền lợi, nghĩa vụ và đời sống của nhân dân, Hội đồng bộ trưởng hoặc thành viên Hội đồng bộ trưởng phụ trách việc dự thảo quyết định cần tham khảo ý kiến của Ủy ban nhân dân địa phương.

Thủ trưởng các cơ quan quản lý ngành ở trung ương thông báo cho Ủy ban nhân dân địa phương biết nhiệm vụ và kế hoạch công tác của các đơn vị thuộc ngành đóng tại địa phương để Ủy ban nhân dân địa phương thực hiện chức năng giám sát và phục vụ các đơn vị đó.

Điều 46. — Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh kế hoạch Nhà nước, ngân sách Nhà nước, các chủ trương, chính sách của Hội đồng bộ trưởng và các quyết định, chỉ thị, thông tư của thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng.

Ủy ban nhân dân các tỉnh không được đề ra chính sách, chế độ hoặc quyết định các vấn đề vượt quá thẩm quyền của địa phương.

Điều 47. — Trong từng thời gian nhất định, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (hoặc Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng) tổ chức kiểm tra công tác của các tỉnh.

Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm và có quyền kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch, việc thực hiện các chính sách, chế độ thuộc quyền quản lý thống nhất của ngành ở các tỉnh, kịp thời giải quyết các yêu cầu của địa phương theo thẩm quyền và trách nhiệm của mình.

Nếu giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý ngành có ý kiến khác nhau về cách giải quyết việc thuộc nội dung quản lý Nhà nước của ngành, thì hai bên phải cùng nhau bàn bạc. Nếu không nhất trí, thì Ủy ban nhân dân phải chấp hành quyết định của thủ trưởng cơ quan quản lý ngành; đồng thời báo cáo để Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng xem xét và quyết định; trong trường hợp này, Văn phòng Hội đồng bộ trưởng phải trình Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng giải quyết và trả lời trong thời hạn không quá 5 ngày.

IV. QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG VỚI CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

Điều 48. — Khi nghiên cứu các chính sách, chế độ hoặc các đề án công tác có liên quan đến tầng lớp nhân dân nào, thì Hội đồng bộ trưởng hoặc thành viên Hội đồng bộ trưởng phụ trách xây dựng chính sách, chế độ ấy mời đại diện các đoàn thể có liên quan tham gia hoặc gửi dự thảo văn bản đề các đoàn thể góp ý kiến.

Hội đồng bộ trưởng và các thành viên Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm phối hợp với các đoàn thể và tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể động viên, giáo dục, tổ chức phong trào thi đua yêu nước của

quần chúng, cùng các đoàn thể phát động tổ chức, chỉ đạo và tổng kết phong trào thi đua.

Khi các đoàn thể yêu cầu, thành viên của Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm thông báo cho các đoàn thể biết rõ những chủ trương, chính sách có liên quan.

Chương III

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG VÀ CÁC CƠ QUAN KHÁC GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Điều 49. — Văn phòng Hội đồng bộ trưởng là bộ máy làm việc của Hội đồng bộ trưởng, có nhiệm vụ phục vụ sự quản lý tập trung thống nhất của Hội đồng bộ trưởng, phục vụ sự chỉ đạo và điều hành công việc hàng ngày của Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Nhiệm vụ cụ thể, tổ chức bộ máy và chế độ làm việc của Văn phòng Hội đồng bộ trưởng do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Điều 50. — Tùy nhu cầu công tác, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng thành lập các tổ chức làm tư vấn cho Hội đồng bộ trưởng để chuẩn bị các đề án hoặc giải quyết các vấn đề về kinh tế, tài chính, khoa học — kỹ thuật, văn hóa — xã hội, quản lý Nhà nước; thành lập các ban chuyên môn để giúp Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng theo dõi và quản lý một hoặc nhiều lĩnh vực công tác.

Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các tổ chức nói trên được quy định trong văn bản thành lập các tổ chức đó.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 51. — Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được công bố và sẽ thay thế các văn bản sau đây:

— Các quy định ở chương IV, V, VI, VII của bản Điều lệ tổ chức và hoạt động

của Hội đồng Chính phủ ban hành kèm theo nghị định số 172-CP ngày 1-11-1973.

— Bản quy định cụ thể về chế độ làm việc của Hội đồng Chính phủ ban hành kèm theo quyết định số 141-CP ngày 19-6-1974.

— Nghị quyết số 147-CP ngày 14-5-1980 của Hội đồng Chính phủ về cải tiến một bước chế độ làm việc của Hội đồng Chính phủ và các ngành, các cấp.

Điều 52. — Các điều lệ về tổ chức và hoạt động của các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp đều phải căn cứ vào điều lệ này và không được trái với điều lệ này.

Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành điều lệ này.

Điều 53. — Các thành viên của Hội đồng bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương chịu trách nhiệm thi hành điều lệ này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch

PHẠM VĂN ĐỒNG

BỘ TRƯỞNG TỔNG THƯ KÝ

QUYẾT ĐỊNH số 83-BT ngày 29-12-1981 về việc cho phép thành lập Giáo Hội Phật giáo Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG

TỔNG THƯ KÝ HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ vào Luật số 102-SL/L004 ngày 20-5-1957 quy định quyền lập hội;

Căn cứ nghị định số 258-TTg ngày 14-6-1957 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật trên;